

Số: 45 /2017/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Hiệp định tín dụng phát triển (Dự án Năng lượng nông thôn 2) giữa nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế số 4000-VN ký kết ngày 27/6/2005; Hiệp định tài trợ (sửa đổi và viết lại Hiệp định tín dụng phát triển Dự án năng lượng nông thôn 2) giữa nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế, tín dụng số 4000-VN; tín dụng số 45760-VN ký kết ngày 09/7/2009;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04/12/2013 của Liên bộ Công thương - Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Phiên họp UBND tỉnh tháng 10/2017, ngày 24/10/2017;

Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính – Công Thương tại Tờ trình số 438/LS:TC-CT ngày 14/6/2017 v/v ban hành quyết định quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án năng lượng nông thôn II (REII); Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp số: 132/BC-STP ngày 10/8/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Công Thương, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch

UBND các xã, thị trấn; Giám đốc Công ty Điện lực Vĩnh Phúc; Chủ nhiệm các Hợp tác xã điện, Giám đốc các doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Công thương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT, CPVP;
- Như Điều 2;
- Báo VP, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- CPVP, CV: CN3;
- Lưu: VT. (H- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

**Cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án năng lượng
nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45 /2017/QĐ-UBND ngày 10 /11/2017 của
UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1 Phạm vi điều chỉnh: Tất cả các xã, thị trấn tham gia Dự án năng lượng nông thôn II (RE II) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Bên cho vay vốn là Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Phúc - được UBND tỉnh ủy quyền.

2.2. Bên vay vốn là các đơn vị, tổ chức phân phối kinh doanh điện nhận bàn giao tài sản lưới điện hạ áp sau đầu tư từ Ban quản lý dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Vĩnh Phúc, hoặc từ Hợp tác xã bàn giao lưới điện bao gồm: Công ty Điện lực Vĩnh Phúc, các doanh nghiệp, Hợp tác xã kinh doanh điện nông thôn (Gọi tắt là LDU).

2.3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án năng lượng nông thôn II (RE II) trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay và thu hồi vốn:

- UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho các LDU vay không phải vốn bằng tiền mà là toàn bộ giá trị vốn vay (bao gồm cả lãi vay trong thời gian ân hạn) trong giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình lưới điện hạ thế nông thôn được xây dựng hoàn thành từ dự án năng lượng nông thôn II (RE II), bàn giao cho các LDU quản lý vận hành và kinh doanh.

- Lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn được tính đúng bằng lãi suất vay vốn của UBND tỉnh với Ngân hàng Thế giới (Vay lại qua Ngân hàng phát triển Việt Nam).

- Các LDU phải hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay theo đúng thời hạn quy định.

Điều 3. Hình thức văn bản cho vay: Áp dụng hình thức Hợp đồng kinh tế giữa các bên.

Điều 4. Giá trị cho vay

Giá trị cho vay là toàn bộ giá trị vốn vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (bao gồm cả lãi vay trong thời gian ân hạn) trong giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với khoản tiền lãi vay trong thời gian ân hạn được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ giá trị vốn vay cho tất cả các LDU để thực hiện trả nợ.

Nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh đầu tư thực hiện dự án chưa thu hồi, được coi như nguồn vốn ngân sách cấp và giao cho các LDU quản lý để đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện. Các LDU có trách nhiệm báo cáo Liên Sở Tài chính-Sở Công thương trình UBND tỉnh quyết định trước khi thực hiện.

Giá trị cho vay được tính bằng Đồng Việt Nam (VND).

Điều 5. Cơ quan đại diện cho vay: UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao cho Sở Công thương Vĩnh Phúc thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế với các LDU.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Các bên ký kết hợp đồng kinh tế:

1. Bên cho vay - Bên A: Sở Công thương Vĩnh Phúc.
2. Bên nhận vay - Bên B: Các LDU.

Điều 7. Các quy định về thời gian cho vay, lãi suất cho vay, kỳ trả nợ, mức ký quỹ và tài khoản thu nợ:

1. Thời gian cho vay: 15 năm, cụ thể:

- Đối với các LDU thuộc dự án gốc: Tính từ năm 2012.
- Đối với các LDU thuộc dự án mở rộng: Tính từ năm 2013.

Các LDU có thể thực hiện trả nợ trước thời hạn cho vay.

2. Lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn:

- a. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất 01%/ năm (*Một phần trăm/năm*) tính trên số dư nợ gốc đầu kỳ trả nợ.

- Lãi được tính trên cơ sở số ngày thực tế áp dụng cho mức lãi suất năm nói trên với 1 năm là 360 ngày, mỗi tháng là 30 ngày.

- b. Lãi suất quá hạn: Tính trên số nợ quá hạn (nợ gốc, tiền lãi) được tính từ ngày đến hạn không trả cho đến ngày trả được nợ.

- Lãi suất quá hạn theo năm: 1,5%/năm;
- Lãi suất quá hạn theo ngày: = 1,5%/360.

3. Kỳ trả nợ gốc và lãi vay:

- *Kỳ trả nợ gốc*: Nợ gốc được trả thành 15 kỳ bằng nhau (mỗi năm được tính là 01 kỳ).

- *Kỳ trả lãi vay*: như phân kỳ trả nợ gốc, số tiền lãi được tính trên số dư nợ gốc đến thời điểm trả nợ nhân với lãi suất cho vay.

- *Trả lãi quá hạn*: Tiền lãi quá hạn bằng số dư nợ gốc x Số ngày quá hạn x Lãi suất quá hạn theo ngày.

- *Thời điểm trả nợ*: Nợ gốc và lãi vay trong năm (01 kỳ) được chia đều cho 04 lần thanh toán, chậm nhất vào các ngày 30/3; 30/6, 30/9 và ngày 30/12 hàng năm. Lãi quá hạn phát sinh trong năm được thanh toán chậm nhất vào ngày 30/3 năm sau.

- *Phương thức thanh toán*: Bằng chuyển khoản hoặc nộp bằng tiền mặt vào tài khoản tiền gửi khác của Sở Tài chính mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh.

4. Mức ký quỹ hoặc bảo lãnh:

Các Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn phải thực hiện ký quỹ hoặc được Ngân hàng thương mại bảo lãnh để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mức ký quỹ hoặc giá trị bảo lãnh được xác định bằng 1/4 kỳ trả nợ vốn vay (gốc và lãi).

Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn thực hiện ký quỹ bằng hình thức nộp tiền mặt (hoặc chuyển khoản) vào tài khoản tiền gửi của Sở Tài chính mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng thương mại cho Sở Công thương (bản chính) và Sở Tài chính (bản sao). Số tiền ký quỹ trên tài khoản là số tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

Trường hợp các Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn, Sở Tài chính sẽ sử dụng khoản tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi hoặc thông báo Ngân hàng thương mại thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán nợ cho tỉnh để trả nợ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Sau khi các Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, Sở Tài chính thực hiện hoàn trả khoản tiền đã ký quỹ cho các đơn vị.

5. Tài khoản thu nợ và tài khoản ký quỹ:

a. Tài khoản thu nợ: Sở Tài chính mở tài khoản tiền gửi khác tại Kho bạc nhà nước tỉnh để thu nợ.

b. Tài khoản ký quỹ: Sở Tài chính mở tài khoản tiền gửi khác tại Kho bạc nhà nước tỉnh để tiếp nhận số tiền ký quỹ của các Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh điện nông thôn.

Số tài khoản thu nợ và tài khoản ký quỹ (nếu có) sẽ được ghi trong Hợp đồng kinh tế khi ký kết với các LDU.

Điều 8. Nghĩa vụ và quyền lợi các bên:

1. Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên A:

a. Quyền của Bên A:

- Được áp dụng các chế tài hành chính để thu hồi nợ gốc và lãi vay.
- Được quyền kiểm tra, yêu cầu Bên B cung cấp toàn bộ sổ sách báo cáo kinh doanh nếu có nghi vấn.
- Được quyền chấm dứt Hợp đồng cho vay khi Bên B không trả nợ và lãi vay theo quy định và quyết định lựa chọn đơn vị tiếp nhận mới thay thế.
- Đôn đốc, giám sát việc kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên B.

b. Nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp bản sao các tài liệu, văn bản liên quan đến lưới điện hạ thế hình thành từ dự án cho Bên B.
- Bồi thường thiệt hại cho Bên B khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng Hợp đồng.

2. Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B:

a. Quyền của Bên B:

- Được tiếp nhận công trình xây dựng hoàn thành thuộc dự án;
- Thực hiện việc quản lý, khai thác, vận hành, kinh doanh lưới điện hạ thế nông thôn hình thành từ dự án theo đúng các quy định hiện hành.
- Trả nợ trước hạn hoặc trả 100% số nợ ngay khi có thể.
- Khi trả nợ đủ 100% số vốn vay theo Hợp đồng thì toàn bộ tài sản lưới điện hình thành từ nguồn vốn đó thuộc quyền sở hữu của LDU.

b. Nghĩa vụ của Bên B:

- Trả nợ gốc và lãi vay theo đúng kỳ hạn, thời gian quy định như trong Hợp đồng đã ký.
- Thực hiện việc lập phương án trả nợ vốn vay gửi Sở Công thương để được thẩm tra, xét duyệt.
- Thực hiện nộp tiền vào tài khoản ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng thương mại cho Sở Công thương, Sở Tài chính.
- Bảo vệ an toàn tài sản lưới điện hạ thế của Dự án khi kinh doanh và kể cả khi bàn giao cho đơn vị kinh doanh điện khác tiếp nhận.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát, đôn đốc của Sở Công thương trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã quy định trong Hợp đồng.
- Sau mỗi lần thanh toán nợ phải báo cáo và sao gửi các chứng từ thanh toán nợ gốc và lãi vay về Sở Công thương để theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ.
- Lập báo cáo tài chính về kết quả kinh doanh điện trong năm gửi Sở Công Thương trước ngày 30/11 hàng năm (Khối lượng tháng 12 được ước tính theo tháng cao nhất trong năm).

- Báo cáo UBND xã, UBND huyện và Sở Công thương để xem xét trình UBND tỉnh quyết định việc bàn giao công trình lưới điện hạ thế cho Công ty Điện lực Vĩnh Phúc hoặc đơn vị khác (nếu có) khi không đủ khả năng quản lý, vận hành, kinh doanh và trả nợ.

- Đối với LDU (mới) khi tiếp nhận bàn giao từ LDU (cũ) có trách nhiệm:

+ Tiếp tục thực hiện các điều khoản của Hợp đồng đã ký hoặc ký Hợp đồng kinh tế mới để thực hiện việc trả nợ.

+ Thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi đã nêu ở trên.

Điều 9. Cơ chế xử lý vi phạm:

1. Thu hồi công trình thuộc dự án đối với các LDU không hoàn trả đủ nợ gốc và lãi vay trong 02 lần trả nợ liên tiếp (tương ứng 1/2 kỳ trả nợ).

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bị thu hồi công trình điện, các LDU phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số nợ gốc, lãi chưa trả và phần khấu hao tài sản còn lại của công trình từ khi nhận bàn giao đưa vào khai thác sử dụng đến thời điểm thu hồi, nếu không sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Sở Công thương xem xét đề nghị của UBND các huyện, thị, UBND xã, thị trấn tiến hành các thủ tục trình UBND tỉnh quyết định bàn giao công trình từ các LDU đã bị thu hồi công trình (thuộc dự án) cho Công ty Điện lực Vĩnh Phúc hoặc đơn vị khác (nếu có) tiếp nhận.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan:

1. Sở Công thương Vĩnh Phúc:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xác định số lãi phải trả trong thời gian ân hạn (được nhập gốc), trình UBND tỉnh quyết định phân bổ số lãi vay tương ứng theo tỷ lệ giá trị vốn vay cho tất cả các LDU để trả nợ.

- Thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế với các LDU để thu hồi nợ, thanh lý hợp đồng kinh tế với các LDU theo quy định.

- Theo dõi, đơn đốc, giám sát, kiểm tra các LDU trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian và mức trả nợ định kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan lập phương án bàn giao công trình cho Công ty Điện lực Vĩnh Phúc hoặc đơn vị khác (nếu có) đối với các LDU không đủ khả năng tổ chức kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế; cùng Sở Tài chính đề xuất với UBND tỉnh xem xét đề điều chỉnh cho phù hợp.

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất những LDU có phát sinh nợ trong năm để có phương án thu hồi nợ, đề xuất thu hồi công trình bàn giao cho đơn vị khác tiếp nhận.

2. Sở Tài chính Vĩnh Phúc:

- Quản lý, theo dõi tài khoản tiền gửi khác để thu nợ và tài khoản ký quỹ mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh.

- Chủ trì, đề xuất với UBND tỉnh nguồn kinh phí trả nợ hàng năm cho Ngân hàng phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Phối hợp với Sở Công thương trong công tác đôn đốc thu hồi nợ.

- Thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (vốn vay và vốn đối ứng) của các LDU.

- Chủ trì, đề xuất với UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện:

- Có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện cho các LDU trong công tác nộp trả tiền gốc, lãi và số tiền ký quỹ vào tài khoản tiền gửi của Sở Tài chính (các LDU có thể nộp tại KBNN cấp huyện).

- Định kỳ 6 tháng báo cáo số liệu các LDU đã nộp tiền vào tài khoản tiền gửi ngân sách tỉnh cho Sở Tài chính để kịp thời đôn đốc thu hồi nợ.

4. UBND các huyện, thị xã:

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát UBND các xã, các LDU tham gia dự án trên địa bàn trong việc quản lý, kinh doanh điện nông thôn và thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay.

- Chỉ đạo các xã không có khả năng nhận bàn giao công trình điện hoàn thiện hồ sơ báo cáo Sở Công thương để bàn giao cho Công ty Điện lực Vĩnh Phúc hoặc đơn vị khác (nếu có) quản lý.

- Tổ chức định giá tài sản hình thành và bàn giao công trình điện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04/12/2013 của Liên bộ Công thương - Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn.

5. UBND các xã, thị trấn tham gia dự án:

- Kiểm tra, giám sát các LDU trong việc quản lý, vận hành, kinh doanh điện nông thôn theo đúng quy định hiện hành.

- Đôn đốc LDU thực hiện chế độ trả nợ gốc và lãi vay của dự án đúng kỳ hạn.

- Báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc và kiến nghị xử lý vi phạm đối với các LDU không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

- Báo cáo UBND huyện, Sở Công thương để chỉ đạo công tác bàn giao công trình cho Công ty điện lực Vĩnh Phúc hoặc đơn vị khác (nếu có) tiếp nhận theo quy định.

6. Công ty Điện lực Vĩnh Phúc:

- Có trách nhiệm tiếp nhận công trình lưới điện hạ thế hình thành từ Dự án năng lượng nông thôn II khi có quyết định bàn giao của UBND tỉnh và thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Làm việc với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã; các xã, thị trấn để hoàn thiện thủ tục bàn giao, tiếp nhận, hoàn trả vốn vay đối với các công trình mà trước đây Công ty Điện lực Vĩnh Phúc đã nhận bàn giao mà chưa có quyết định của UBND tỉnh.

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp:

Chênh lệch giữa số nợ phải trả theo Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 38/2011/QĐ-UBND và số nợ phải trả theo quy định tại Quyết định này được chia đều cho các kỳ trả nợ còn lại.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Công thương để phối hợp đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh quy định về cơ chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Duy Thành